

LÝ THUYẾT CHI TIẾT: CẤU TRÚC WOULD RATHER VÀ PREFER

Chào các em học sinh! Trong tiếng Anh, để diễn tả sự yêu thích hoặc ưu tiên một cái gì đó hơn cái gì đó, chúng ta thường dùng hai cấu trúc phổ biến là **Would Rather** và **Prefer**. Tuy nhiên, cách sử dụng động từ đi kèm của chúng lại có sự khác biệt rõ rệt. Chúng ta cùng tìm hiểu thật chi tiết để không bao giờ bị mất điểm nhé!

I. CẤU TRÚC VỚI "PREFER" (Thích hơn)

"Prefer" thường được dùng để nói về sở thích chung chung, lâu dài, mang tính thói quen.

1. Thích một cái gì đó hơn một cái gì đó khác

Cấu trúc: S + prefer + Noun/V-ing + TO + Noun/V-ing

Example: I prefer tea to coffee.

→ Giải thích: Thầy thích trà hơn cà phê. (Sở thích chung lâu dài, sử dụng danh từ nối với nhau bằng giới từ "to").

Example: She prefers swimming to playing badminton.

→ Giải thích: Cô ấy thích đi bơi hơn là chơi cầu lông. (Sở thích hành động, cả hai vế sau "prefer" và "to" đều chia dạng V-ing).

2. Thích làm việc gì đó hơn làm việc gì đó khác

Cấu trúc: S + prefer + to-V + RATHER THAN + V-bare

Example: I prefer to drive rather than travel by train.

→ Giải thích: Thầy thích lái xe hơn là đi bằng tàu hỏa. (Khi dùng động từ có To "to-V", từ nối so sánh bắt buộc phải là "rather than" và theo sau là động từ nguyên mẫu không To).

3. Diễn tả sở thích cụ thể trong một tình huống (Dùng Would Prefer)

Cấu trúc: S + would prefer + to-V + (rather than + V-bare)

Example: I would prefer to stay at home tonight.

→ Giải thích: Tối nay thầy thích ở nhà hơn. (Diễn tả sở thích/lựa chọn mang tính chất cụ thể ngay tại thời điểm nói).

II. CẤU TRÚC VỚI "WOULD RATHER" (Thích... hơn / Thà... còn hơn)

"Would rather" thường được dùng trong các tình huống cụ thể hoặc giả định.

1. Khi có cùng một chủ ngữ (Diễn tả mong muốn của bản thân)

a. Ở hiện tại hoặc tương lai:

Cấu trúc: S + would rather + V-bare + (than + V-bare)

Example: I would rather eat pizza than sushi.

→ Giải thích: Thầy thà ăn pizza còn hơn ăn sushi. (Động từ đi liền ngay sau "would rather" là nguyên mẫu V-bare và từ nối so sánh là "than").

b. Ở quá khứ (Hối tiếc về một việc đã qua):

Cấu trúc: S + would rather + have + V3/ed

Example: I would rather have stayed home last night.

→ Giải thích: Đáng lẽ ra tối qua thầy nên ở nhà thì hơn. (Thực tế tối qua đã đi chơi, bây giờ nghĩ lại thấy hối tiếc).

2. Khi có hai chủ ngữ khác nhau (Muốn ai đó làm gì)

a. Mong muốn ở hiện tại hoặc tương lai (Giả định):

Cấu trúc: S1 + would rather (that) + S2 + V-past (Lưu ý: To be dùng "were" cho mọi ngôi)

Example: I would rather you went home now.
→ Giải thích: Thầy muốn em về nhà ngay bây giờ. (Mặc dù có từ "now" nhưng vì là giả định mong muốn người khác làm, động từ bắt buộc lùi về Quá khứ đơn).

b. Mong muốn khác đi về một sự việc trong quá khứ:

Cấu trúc: S1 + would rather (that) + S2 + had + V3/ed

Example: I would rather you hadn't told her the secret yesterday.
→ Giải thích: Thầy ước gì hôm qua em đã không nói cho cô ấy biết bí mật đó. (Sự việc đã xảy ra trong quá khứ, lùi thì thành Quá khứ hoàn thành).

III. BẢNG TÓM TẮT NHANH ĐỂ GHI NHỚ

Cấu trúc chính	Động từ đi kèm	Từ nối so sánh
Prefer (chung)	V-ing / Noun	TO
Prefer (chung)	To-V	RATHER THAN
Would Rather (cùng S)	V-bare (Nguyên mẫu)	THAN
Would Rather (khác S)	V-past (Quá khứ lùi thì)	Không có

 **Lời khuyên từ Mr. Phong:** Các em hãy chú ý kỹ sau "Prefer" có thể dùng "to-V" hoặc "V-ing", nhưng sau "Would rather" bắt buộc phải là động từ nguyên mẫu không "to" (V-bare) nhé! Ghi nhớ quy tắc này sẽ giúp các em xử lý nhanh gọn các bài tập trắc nghiệm và viết lại câu.

IV. BÀI TẬP THỰC HÀNH NGAY (10 CÂU)

Đề bài: Chia động từ trong ngoặc hoặc điền từ nối thích hợp để hoàn thành các câu dưới đây.

- Câu 1: I prefer staying at home _____ going out on rainy days.
- Câu 2: My sister would rather _____ (read) books than watch television.
- Câu 3: I prefer to do my homework now rather than _____ (play) video games later.
- Câu 4: I would rather you _____ (not smoking) inside the house right now.
- Câu 5: They prefer tea _____ coffee for their breakfast.
- Câu 6: We would rather _____ (have) a picnic yesterday, but it rained heavily.
- Câu 7: I would rather you _____ (tell) me the truth last week.
- Câu 8: He prefers _____ (cycle) to driving to work everyday.
- Câu 9: Would you rather _____ (stay) here or go with us tonight?
- Câu 10: She would prefer _____ (choose) a quiet corner in the library to study.

V. PHẦN ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT

Câu 1: to

→ Giải thích: Cấu trúc sở thích mang tính thói quen ổn định: "prefer V-ing + TO + V-ing".

Câu 2: read

→ Giải thích: Cấu trúc cùng một chủ ngữ ở hiện tại: "would rather + V-bare".

Câu 3: play

→ Giải thích: Cấu trúc "prefer to-V + rather than + V-bare". Động từ đứng sau 'rather than' là nguyên mẫu không to.

Câu 4: didn't smoke

→ Giải thích: Cấu trúc 'would rather' có 2 chủ ngữ khác nhau ở hiện tại (S1 + would rather + S2 + V-past), ta chia phủ định quá khứ là 'didn't smoke'.

Câu 5: to

→ Giải thích: Thích một danh từ hơn một danh từ khác: "prefer Noun + TO + Noun".

Câu 6: have had

→ Giải thích: Diễn tả sự nuối tiếc, mong muốn trái ngược quá khứ ('yesterday'): "S + would rather + have + V3/ed".

Câu 7: had told

→ Giải thích: Cấu trúc 2 chủ ngữ giả định ngược quá khứ ('last week'): "S1 + would rather + S2 + had + V3/ed".

Câu 8: cycling

→ Giải thích: Sở thích chung lâu dài hàng ngày ('everyday') đi với dạng V-ing sau prefer.

Câu 9: stay

→ Giải thích: Câu hỏi mong muốn lựa chọn ở hiện tại/tương lai cùng chủ ngữ: "would rather + V-bare".

Câu 10: to choose

→ Giải thích: Diễn tả lựa chọn cụ thể trong một tình huống xác định: "would prefer + to-V".